TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Kim Loan.
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020, về : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- NgU đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985.
- Bị đơn: Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1982

Cùng Địa chỉ: Tổ 03, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai
NgU đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2020, bản tự khai và tại phiên tòa ngU đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, TP. P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 37, ngày 05/6/2010. Quá trình chung sống anh Q không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần gây khó khăn cho gia đình. Gia đình đã nhiều lần khU bảo và trả nợ cho anh Q tuy nhiên anh Q không hề thay đổi mà vẫn ăn chơi theo thói quen để cho chị H một mình nuôi con. Cuộc sống của chị H và anh Q không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H không còn tình cảm yêu thương anh Q nữa, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Q

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật U, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/10/2012. Hiện nay các con chung đang được chị H nuôi dưỡng, chị H xin được nuôi các con.

- Về cấp dưỡng: không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*** Lời trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Trọng Q:**

Anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến tại bản tự khai ngày 09/11/2020 thể hiện: Anh Nguyễn Trọng Q có đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị H, sinh năm 1985, trú tại tổ 3 phường T, TP P; đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P. Trong quá trình chung sống đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh Q đồng ý ly hôn

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật U, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/10/2012. Ly hôn anh Q đồng ý để chị H nuôi cả 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: chị H và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xử cho chị H ly hôn với anh Q.

- Con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật U, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/10/2012 là có căn cứ. Về cấp dưỡng: ngU đơn không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Q, địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh Nguyễn Trọng Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, TP. P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 37, ngày 05/6/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị H cho rằng ngU nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không tu chí làm ăn mà chỉ lo ăn chơi dẫn đến nợ nần làm cho kinh tế gặp nhiều khó khăn. Từ đó cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ngoài bản tự khai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn thì anh Q không đến Tòa tham gia các phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh Q không có thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ mà để mặc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật U, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/10/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con, anh Q cũng đồng ý để cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu. Mặt khác, trong thời gian các cháu U, L sống chung với chị H thì được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của chị H xin được nuôi con chung là cháu U và cháu L là có cơ sở nên chấp nhận. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu U, cháu L là được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị H là ngU đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật U, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu U và cháu L đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005437 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vậy chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NgU đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường T, TP. P, Gia Lai.
(Giấy CNKH số 37, quyển số 01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng